

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG ANA  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/DS-ST

Ngày 19 - 8 - 2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Ngọc.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Thế Chiến;
2. Bà Bùi Thị Thiêm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hoàng Bảo Thụy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Ana.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 142/2019/TLST- DS ngày 17 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST- DS ngày 13 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2020/QĐST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông Trần Xuân T.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Buôn A, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi cư trú: đường S, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

*2. Bị đơn:* Ông Kiều Văn T1.

Địa chỉ: Thôn Q, thị trấn T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 12 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Xuân T trình bày:*

Ngày 28/6/2018 ông Trần Xuân T cho ông Kiều Văn T1 vay 20.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn trả là ngày 13/7/2018. Khi vay hai bên có viết giấy vay tiền nhưng ghi nhầm là ngày 26/8/2018, ông T1 ký tên vào bên vay trong giấy vay tiền, để làm tin ông T1 giao cho ông T 01 sổ hộ khẩu tên chủ hộ

Tổng Thị D, 01 giấy chứng minh nhân dân tên Kiều Văn T1 và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN \*\*\*\*\* do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 20/4/2007 cho ông Kiều Văn T1.

Đến hạn trả nợ ông T1 không trả nợ cho ông T như đã thỏa thuận, ông T đến địa chỉ mà ông T1 cung cấp để đòi tiền nhưng ông T1 đã chuyển đi nơi khác. Do đó ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T1 có nghĩa vụ trả cho ông T 20.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi với mức lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày vay, ngày 28/6/2018 đến ngày 19/8/2020 là 7.720.000 đồng, tiếp tục tính lãi với mức lãi suất 1,5%/tháng cho đến khi trả hết nợ gốc.

*Đối với bị đơn ông Kiều Văn T1:* Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu tập cho ông T1 nhưng ông T1 không đến Tòa án làm việc, qua xác minh tại địa phương thì được biết ông T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Q, thị trấn T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên, ông T1 đã đi khỏi địa phương từ giữa năm 2018, khi đi ông T1 không khai báo nên chính quyền địa phương không biết hiện nay ông T1 đang cư trú ở đâu. Tòa án đã thông báo cho ông T1 trên phương tiện thông tin đại chúng việc ông T khởi kiện nhưng ông T1 không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên Tòa án không lấy lời khai của ông T1 được.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn ông Trần Xuân T thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của đương sự; bị đơn ông Kiều Văn T1 không thực hiện các quyền, nghĩa vụ của đương sự.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thông báo về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Xuân T.

Buộc bị đơn ông Kiều Văn T1 phải trả cho nguyên đơn ông Trần Xuân T 20.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi tính từ ngày 28/6/2018 đến ngày 19/8/2020 là 7.720.000 đồng, tiếp tục tính lãi với mức lãi suất 1,5%/tháng cho đến khi trả hết nợ gốc.

- Buộc ông T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn ông Trần Xuân T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Kiều Văn T1 phải trả cho ông T số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 28/6/2018 đến ngày 19/8/2020 là 7.720.000 đồng, tiếp tục tính lãi với mức lãi suất 1,5%/tháng đến khi trả hết nợ gốc, đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Kiều Văn T1 đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Q, thị trấn T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Krông Ana thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu tập cho ông Kiều Văn T1 nhưng ông T1 không đến Tòa án làm việc, qua xác minh tại địa phương thì được biết ông T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Q, thị trấn T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Nhưng ông T1 đã đi khỏi địa phương từ giữa năm 2018 đến nay, khi đi ông T1 không khai báo nên chính quyền địa phương không biết hiện nay ông T1 đang cư trú ở đâu. Tòa án đã thông báo cho ông T1 nội dung vụ việc ông Trần Xuân T khởi kiện ông T1 trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng ông T1 không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên Tòa án không lấy lời khai của ông T1 và hòa giải được. Vì vậy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Xuân T yêu cầu bị đơn ông Kiều Văn T1 trả số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 28/6/2018 đến ngày 19/8/2020 là 7.720.000 đồng, tiếp tục tính lãi với mức lãi suất 1,5%/tháng đến khi trả hết nợ gốc. Để chứng minh cho yêu cầu của mình ông T cung cấp cho Tòa án giấy vay tiền đề ngày 28/6/2018 (phần đầu ghi nhầm là ngày 26/8/2018).

Kết luận giám định số 33/PC09 ngày 04/5/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Kiều Văn T1 dưới mục “BÊN VAY” trong GIẤY VAY TIỀN đề ngày 26/8/2018 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Kiều Văn T1 trong các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra.

Do đó đã có đủ cơ sở để chứng minh ngày 28/6/2018 ông Kiều Văn T1 có vay của ông Trần Xuân T số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là

1,5%/tháng, thời hạn vay 15 ngày, hạn trả là ngày 13/7/2018. Đến nay ông T1 chưa trả được cho ông T khoản tiền nào.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do ông T cung cấp, kết luận giám định của Công an tỉnh Đắk Lắk và lời trình bày của ông T có đủ căn cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông T là có cơ sở.

Hợp đồng vay tiền giữa ông T và ông T1 phù hợp với quy định của pháp luật, có đủ các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng, việc ông T1 không trả nợ cho ông T là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Căn cứ vào Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng vay tài sản giữa ông Trần Xuân T và ông Kiều Văn T1, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc ông T1 phải trả cho ông T số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng.

[4] Về tiền lãi: Ông T yêu cầu ông T1 phải trả tiền lãi với mức lãi suất 1,5%/tháng kể từ ngày vay tiền, ngày 28/6/2018 đến ngày ông T1 trả hết tiền nợ gốc cho ông T là phù hợp theo quy định tại khoản 5 Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên cần chấp nhận; Tiền lãi tính từ ngày vay tiền, ngày 28/6/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là:  $20.000.000 \text{ đồng} \times 1,5\%/\text{tháng} \times 25 \text{ tháng} = 7.720.000 \text{ đồng}$ .

[5] Khi vay tiền ông T1 giao cho ông T: 01 sổ hộ khẩu, 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin, ông T xác định đây không phải là tài sản thế chấp để vay tiền mà chỉ để làm tin, do đó ông T có trách nhiệm trả lại cho ông T1: 01 sổ hộ khẩu tên chủ hộ Tống Thị D, 01 Giấy chứng minh nhân dân tên Kiều Văn T1 và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN \*\*\*\*\* do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 20/4/2007 cho ông Kiều Văn T1.

[6] Án phí, chi phí tố tụng:

- Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là:  $27.720.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.386.000 \text{ đồng}$ . Nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000 đồng.

- Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của nguyên đơn ông Trần Xuân T có căn cứ nên bị đơn ông Kiều Văn T1 phải chịu 4.320.000 đồng tiền chi phí giám định, sau khi thu được của ông T1 khoản tiền này thì hoàn trả cho ông T.

- Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Do ông Trần Xuân T có yêu cầu thông báo, nên ông T phải chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền 3.000.000 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 161, khoản 1 Điều 162, khoản 2 Điều

180, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân T.

Công nhận hợp đồng vay tài sản được ký kết ngày 28/6/2018 giữa ông Trần Xuân T và ông Kiều Văn T1.

Buộc ông Kiều Văn T1 phải trả cho ông Trần Xuân T số tiền 27.720.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng*).

Trong đó tiền nợ gốc là: 20.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 28/6/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 19/8/2020, mức lãi suất 1,5%/tháng là 7.720.000 đồng.

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 1,5%/tháng.*

Ông Trần Xuân T có trách nhiệm trả cho ông Kiều Văn T1: 01 sổ hộ khẩu tên chủ hộ Tống Thị D, 01 Giấy chứng minh nhân dân tên Kiều Văn T1 và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN \*\*\*\*\* do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 20/4/2007 cho ông Kiều Văn T1.

2. Án phí, chi phí tố tụng:

Về án phí: Ông Kiều Văn T1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 1.386.000 đồng (*Một triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn đồng*). Hoàn trả cho ông Trần Xuân T 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí số 3645 ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Về chi phí giám định: Ông Kiều Văn T1 phải chịu 4.320.000 đồng tiền chi phí giám định, sau khi thu được khoản tiền này của ông Kiều Văn T1 hoàn trả lại cho ông Trần Xuân T tiền tạm ứng chi giám định đã nộp theo phiếu thu ngày 25/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana và giấy nhận tiền 28/5/2020 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk.

Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ông Trần Xuân T phải chịu 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) tiền lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo các Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000065 ngày 28/02/2020 của Đài Tiếng nói Việt Nam và số 00000536 ngày 20/3/2020 của Công ty cổ phần thông tin truyền thông Công lý, được trừ vào số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) ông T đã nộp tạm ứng chi phí giám định và lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo phiếu thu ngày 25/02/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana. Tòa án nhân dân huyện Krông Ana đã hoàn trả cho ông Trần Xuân T 2.680.000 đồng (*Hai triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng*) theo phiếu chi ngày 12/6/2020.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Ana;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Ngọc**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ    THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Ana;
- Chi cục THADS huyện Krông Ana;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Ngọc**